

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6- GIA LAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2025/DS-ST

Ngày: 30 - 9- 2025

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài
sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6- GIA LAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Lý

Ông Cao Thanh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hoa là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 6- Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025 tại Tòa án nhân dân Tòa án nhân dân khu vực 6- Gia Lai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2025 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2025/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Kim O, sinh ngày 30/7/1983

Căn cước công dân số: 052183008993 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/08/2023.

Địa chỉ: Khu phố T, phường H, tỉnh Bình Định

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1975

Số căn cước công dân số: 052075012020.

Địa chỉ: Khu phố M, phường H, tỉnh Gia Lai.

(Nguyên đơn có đơn xét xử vắng mặt. Bị đơn được triệu tập họp lệ lần hai nhưng vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kim O trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn Đ là chỗ quen biết, vào ngày 24/02/2024 ông Đ có mượn của bà O số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), không thỏa thuận lãi suất, ông hứa khi nào bà cần sẽ trả. Bà cho ông Đ mượn tiền bằng hình thức chuyển khoản. Thời gian qua, bà đòi nhiều lần nhưng ông Đ không có thiện chí trả nợ, cố tình trốn tránh nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đ trả nợ số tiền trên cho bà, bà không yêu cầu lãi suất.

+ Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đ không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu của bà O, không đến Tòa án để làm việc theo giấy triệu tập, thông báo và giấy báo của Tòa án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà O, buộc ông Đ có trách nhiệm trả cho bà O số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), bà O không yêu cầu trả lãi suất nên không xem xét. Án phí dân sự sơ thẩm ông Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà O có đơn khởi kiện yêu cầu ông Đ trả số tiền 20.000.000 đồng xuất phát từ việc vay mượn nên quan hệ pháp luật được xác định là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Ông Đ đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Khu phố M, phường H, tỉnh Gia Lai nên theo Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 6- Gia Lai có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn Đ được Tòa án triệu tập họp lệ hai lần nhưng vắng mặt

không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Đ.

[3] Qua xác minh tại Công an phường H thì ông Đ là công dân có hộ khẩu thường trú tại Khu phố M, phường H, tỉnh Gia Lai. Tàng thư không có thông tin, tài liệu thể hiện ông Đ đã chuyển khẩu đi nơi khác. Vì ông Đ thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú nên Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng để ông Đ biết và thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, trong thời gian giải quyết vụ án, ông Đ không nộp văn bản ghi ý kiến của mình, không chấp hành việc triệu tập của Tòa án. Do đó, Tòa án không lấy ý kiến của ông Đ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của bà O được. Ông Đ không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 72 và nghĩa vụ cung cấp chứng cứ theo quy định tại các Điều 91; 96 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, nên phải chịu trách nhiệm cho việc không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Tòa án sẽ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn: Xét yêu cầu khởi kiện của bà O, yêu cầu ông Đ trả nợ, thấy rằng: Nội dung giấy mượn tiền ngày 24/02/2024 (âm lịch) có ghi: “Ngày 24 tháng 2 (âm lịch 2024), anh Đ mượn 2 chục triệu”. Theo bà O trình bày, đây đều là chữ viết của ông Đ. Ngoài ra, bà còn chuyển khoản cho ông Đ qua tài khoản tại Ngân hàng T, chi nhánh Khu công nghiệp P.

Tòa án nhân dân khu vực 6- Gia Lai tiến hành xác minh thông tin, tại văn bản số 436/CNKCNP-TH ngày 22/8/2025, Ngân hàng Thương mại cổ phần T, chi nhánh Khu công nghiệp P cung cấp thông tin số tài khoản 0357491559 có họ và tên Nguyễn Văn Đ, năm sinh 26/10/1975, số căn cước công dân 052075012020 do Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 28/6/2021, nơi cư trú: khu phố M, phường H, H, Bình Định (cũ), trùng khớp với căn cước công dân với Biên bản xác minh tại Công an phường H về thông tin định danh cá nhân của ông Đ.

Như vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự, trường hợp vay mượn tiền giữa bà O và ông Đ được xác định là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi nên bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý. Từ khi nộp đơn khởi kiện cho đến nay, bà O đã nhiều lần thông báo yêu cầu ông Đ trả nợ nhưng ông Đ cố tình trốn tránh. Tòa án tiến hành niêm yết các thông báo cho ông Đ để ông biết thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình nhưng ông Đ không hợp tác, không đến Tòa để cung cấp tài liệu chứng cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, do vậy việc bà O yêu cầu ông Đ trả nợ cho

bà O số tiền 20.000.000 đồng là có cơ sở nên được chấp nhận. Bà O không yêu cầu lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Đ phải chịu 1.000.000 đồng (20.000.000 đồng x 5%).

[6] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 227, 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Căn cứ vào các điều 463, 466, khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Kim O.

Buộc ông Nguyễn Văn Đ trả cho bà O số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Ghi nhận sự tự nguyện của bà O không yêu cầu trả lãi suất.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đ phải chịu 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) sung vào Ngân sách nhà nước.

Hoàn trả cho bà O 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà O đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/25E, số 0000448 ngày 18 tháng 7 năm 2025 tại Phòng Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND Khu vực 6;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Phường

